

**“Điều chỉnh tại vùng kháng cự”**
**Tiêu điểm nổi bật:**

- Từ ngày 11/09, Việt Nam và Mỹ trở thành đối tác chiến lược toàn diện. Đây là thông tin tích cực cho Việt Nam, sẽ giúp cho việc tăng trưởng xuất nhập khẩu, cơ hội có mặt trong chuỗi giá trị toàn cầu, đón nhận đầu tư cùng dòng vốn FDI,...
- CPI tháng 8/2023 của Mỹ tăng 0.6% MoM, 3.7% YoY. Con số này cao hơn dự báo tăng 0.6% và 3.6%. CPI core tăng 0.3% MoM, cao hơn kì vọng là 0.2%.
- Trung Quốc tuyên bố nâng cấp quan hệ ngoại giao với Venezuela lên quan hệ đối tác chiến lược trong mọi hoàn cảnh.
- Giá dầu WTI tăng lên mức 90.7 USD/ thùng, lần đầu vượt mốc 90 USD kể từ tháng 11 năm ngoái. Nguyên nhân do Nga và Arab Saudi liên tục thắt chặt nguồn cung dầu.

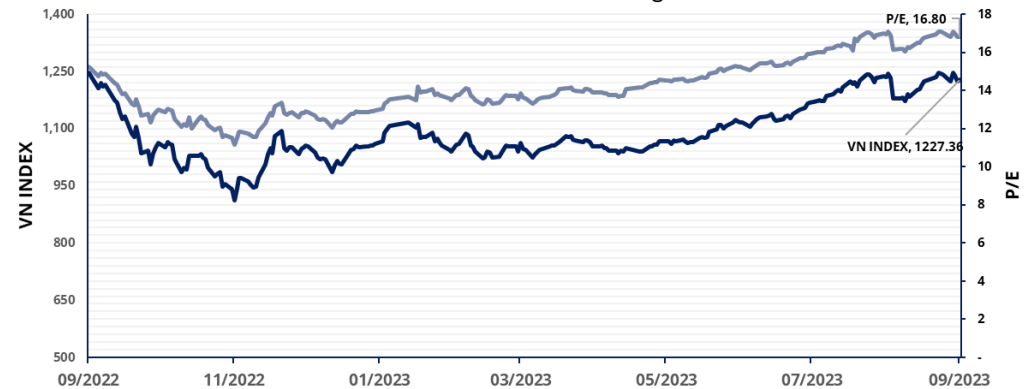
**Đánh giá:** Sau khi Việt Nam và Mỹ trở thành đối tác chiến lược toàn diện, có thể thấy Trung Quốc và Venezuela cũng đã nâng cấp lên quan hệ đối tác chiến lược trong mọi hoàn cảnh. Nhìn chung, toàn cầu đang có xu hướng ưu tiên hợp tác thương mại và giao thương kinh tế với những nước “chơi chung” với nhau hơn là giao thương mạnh với các nước có chi phí sản xuất rẻ như trước đây. Động thái cắt giảm nguồn cung của các nước xuất khẩu dầu mạnh mẽ trong khối OPEC như Nga và Arab Saudi cũng minh chứng cho việc các nước này muốn bảo vệ lợi ích kinh tế của họ. Kết luận, chúng tôi cho rằng nền kinh tế toàn cầu sẽ vận hành trong môi trường giá cả hàng hóa tăng cao, áp lực đến lạm phát. Đây cũng là vấn đề ảnh hưởng đến việc điều hành chính sách tiền tệ mở rộng của Việt Nam để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Góc nhìn kĩ thuật:** Trong tuần này, VNINDEX chịu áp lực chốt lời và đóng cửa kết tuần tại 1,227 (-14 điểm, -1.14%), thanh khoản gia tăng cao hơn trung bình 20 phiên trên đồ thị tuần.

**Ý tưởng đầu tư:** Nhà đầu tư nên giải ngân mới nếu giá có xu hướng quay đầu bật tăng từ nền. Trong bối cảnh giá cả tăng cao, chúng tôi cho rằng nhóm hàng hóa sẽ được hưởng lợi. Ngoài ra, nhóm bds khu công nghiệp, xuất khẩu và ngân hàng vẫn là nhóm có triển vọng tốt cần chú ý.

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi					Xu hướng	Định giá		
		1W	1M	3M	YTD	P/E		P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)	
VN-Index	1,227	-1.1	-0.5	9.9	21.9		16.8	1.9	202	
Upcom Index	94	-1.0	0.3	10.9	30.9		12.6	1.3	46	
HNX Index	253	-1.3	0.5	10.1	23.1		27.6	1.4	13	
VN30 Index	1,239	-0.8	-0.2	11.7	23.2		13.7	1.8	144	
S&P 500 Index	4,505	1.1	1.5	1.8	17.3		22.1	4.3	39,227	
STOXX Europe 600 Index	465	2.2	2.0	0.1	9.4		13.0	1.8	13,235	
Hang Seng	18,183	-0.1	-2.1	-8.3	-8.1		10.2	1.0	2,660	
Nikkei 225	33,533	2.8	4.0	0.1	28.5		26.4	1.9	4,141	
SHCOMP Index	3,118	0.0	-1.8	-4.2	0.9		13.9	1.4	6,421	
STI Index	3,281	2.3	1.5	1.2	0.9		11.4	1.1	369	
KOSPI Index	2,601	2.1	1.2	-0.3	16.3		18.2	0.9	1,489	

Nguồn: Bloomberg

**Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm**


Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Hoàng Nam

☎ (84-28) 90 2778927

✉ nam.h@shinhan.com

 Theo dõi Zalo của SSV,  
 Cập nhật báo cáo mới nhất


Bấm vào hình hoặc quét QR

# WEEKLY SNAPSHOT

## Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa				% Thay đổi GTGD			% Tỷ trọng GTGD		Định giá		Vốn hóa (Tỷ VND)
Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	
▶ Large Cap	-1.0	-0.4	21.4	7.4	14.1	36.3	75.0	0.9	13.8	1.9	4,282,123
Mid Cap	-1.7	0.4	31.5	3.3	27.8	27.7	23.3	-0.6	25.3	1.3	559,040
Small Cap	-3.2	-4.5	21.0	-9.1	2.6	2.7	1.7	-0.3	238.6	0.7	68,581

Theo ngành				% Thay đổi GTGD			% Tỷ trọng GTGD		Định giá		Vốn hóa (Tỷ VND)
Tên ngành	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	
Truyền thông	49.6	38.2	94.2	-5.6	-13.8	-41.7	0.0	0.0	6.9	1.4	1,711
Tiện ích	3.5	3.5	12.9	-0.8	11.8	6.3	1.3	-0.1	13.9	1.0	343,812
▶ Tài chính	2.4	16.3	100.7	18.7	13.9	47.8	15.7	1.7	38.4	1.2	188,424
▶ Dầu khí	2.1	1.0	31.7	20.7	49.6	21.5	0.9	0.1	24.8	1.0	66,134
Ngân hàng	0.5	1.8	28.7	3.3	13.3	18.7	15.4	-0.4	9.5	1.0	1,750,897
▶ Bán lẻ	0.2	4.8	33.5	27.9	20.2	41.0	3.2	0.5	49.5	1.0	111,120
▶ Công nghệ Thông tin	-0.4	13.8	44.1	22.6	19.8	95.1	1.3	0.2	22.7	1.1	138,925
Ô tô & Phụ tùng	-0.5	-3.9	8.6	-11.0	-7.1	-4.2	0.3	-0.1	15.2	1.0	14,530
Thực phẩm và đồ uống	-0.7	2.8	0.0	-5.9	6.5	0.6	5.9	-0.8	28.8	1.0	494,926
Dược và Y tế	-0.9	-0.1	24.7	-23.0	-13.8	-27.2	0.1	0.0	14.4	1.0	38,002
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-1.1	3.4	29.0	10.4	52.8	61.3	6.1	0.2	12.4	1.0	133,557
Hóa chất	-1.3	4.6	41.7	2.5	13.1	24.4	4.3	-0.2	13.9	1.0	185,524
Bảo hiểm	-2.0	-3.7	0.3	-3.7	-8.4	-29.1	0.2	0.0	16.4	1.0	45,621
Du lịch và Giải trí	-2.0	-2.7	-8.0	-4.6	6.9	-4.1	0.6	-0.1	n.a	1.0	93,402
Xây dựng và vật liệu	-2.0	1.8	46.3	10.0	25.7	34.3	7.9	0.3	6.9	1.0	127,804
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.4	2.2	3.1	-14.2	4.9	-12.0	0.7	-0.2	13.6	1.0	53,423
Tài nguyên cơ bản	-3.7	-1.1	51.2	-2.4	30.8	37.7	8.1	-0.7	n.a	1.0	211,792
Bất động sản	-6.5	-13.3	12.3	4.2	11.8	44.5	28.0	-0.5	13.2	0.9	843,890

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
<b>Tổng các quỹ ETF</b>	<b>3,843</b>	<b>-19.5</b>	<b>-153.1</b>	<b>-181.7</b>	<b>52.5</b>
<b>Nước ngoài</b>	<b>2,701</b>	<b>-10.6</b>	<b>-111.9</b>	<b>-122.9</b>	<b>113.7</b>
VanEck Vectors Vietnam ETF	635	0.0	0.0	19.6	92.5
Fubon FTSE Vietnam ETF	838	-10.6	-65.6	-90.5	-19.6
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	632	0.0	-30.8	-58.9	13.8
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	383	0.0	-1.8	-3.3	58.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	180	0.0	-12.9	12.9	-30.8
Premia MSCI Vietnam ETF	17	0.0	0.0	-0.9	-0.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	-0.8	-1.7	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
<b>Trong nước</b>	<b>1,143</b>	<b>-8.9</b>	<b>-41.2</b>	<b>-58.9</b>	<b>-61.1</b>
DCVFMVN Diamond ETF	581	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	337	-3.3	-32.0	-46.5	-49.0
SSIAM VNFN LEAD ETF	184	-5.6	-9.1	-12.5	-12.0
MAFN VN30 ETF	26	0.0	-0.2	-0.4	-0.7
SSIAM VNX50 ETF	7	0.0	0.1	0.1	-0.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.0	0.1	0.4	1.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	6,252	-41,410	6,779
Ấn độ	-139	-809	5,057	16,223
Indonesia	-30	-102	-1,239	-149
Nhật Bản*	-5,782	-2,143	-5,118	41,767
Maylaysia	11	-4	341	-589
Philippines	-77	-241	-38	-506
Hàn Quốc	-729	-594	-536	7,408
Sri Lanka	0	-4	8	10
Đài Loan	632	-953	-8,495	2,752
Thái Lan	-102	-293	-1,097	-4,204
Việt Nam	-88	-121	-211	-243

\*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

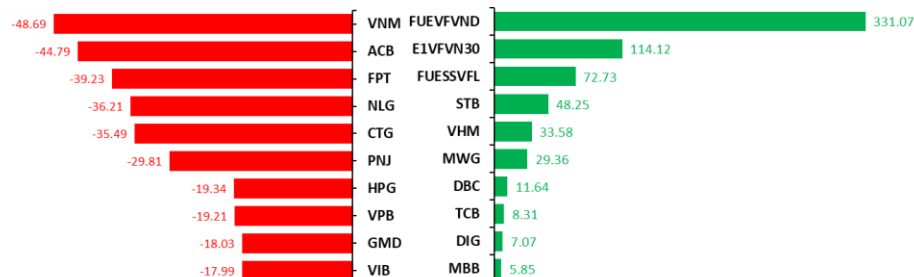
Nguồn: Bloomberg

-WTD: từ đầu tuần  
-MTD: từ đầu tháng  
-QTD: từ đầu quý  
-YTD: từ đầu năm

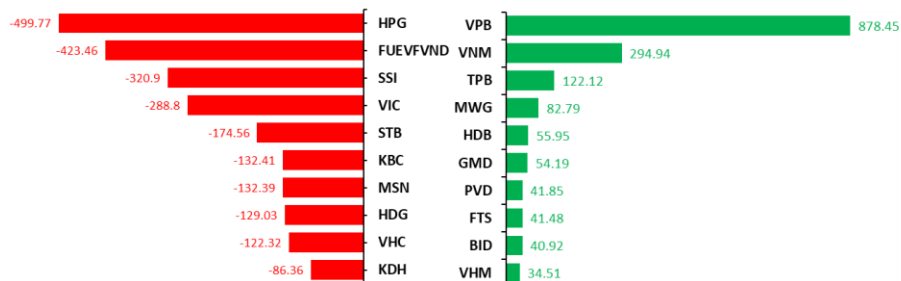
# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-29	-650	856	-205
Tài nguyên Cơ bản	-15	-442	396	46
Truyền thông	0	-1	1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-24	84	-35	-49
Y tế	0	6	-6	0
Hóa chất	-10	-67	11	56
Dịch vụ tài chính	511	-646	287	358
Du lịch và Giải trí	-9	20	-81	61
Ngân hàng	-129	276	-34	-243
Xây dựng và Vật liệu	-4	-34	-21	55
Thực phẩm và đồ uống	-47	18	-6	-12
Bán lẻ	29	62	-22	-40
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4	-26	15	12
Hàng cá nhân & Gia dụng	-29	18	10	-28
Công nghệ Thông tin	-34	-3	42	-40
Ô tô và phụ tùng	0	-15	17	-2
Bảo hiểm	-1	-18	21	-3
Dầu khí	-4	32	-23	-9
<b>Tổng</b>	<b>201</b>	<b>-1,385</b>	<b>1,427</b>	<b>-42</b>

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

# WEEKLY SNAPSHOT

## Top cổ phiếu đáng chú ý

### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	AGM	Thực phẩm và đồ uống	5.00 - 24.80	6.3	-30.22%
2	TGG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.14 - 7.10	2.4	-29.88%
3	IBC	Dịch vụ tài chính	1.74 - 19.40	1.8	-29.76%
4	HPX	Bất động sản	3.77 - 27.10	5.5	-25.31%
5	KPF	Sản xuất nông nghiệp	5.97 - 16.20	6.1	-15.60%

\* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
18.06%	10.9	6.39 - 10.85	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TCO
11.98%	6.2	2.73 - 8.70	Bất động sản	PTL
11.79%	11.9	2.40 - 12.40	Dịch vụ tài chính	APG
11.76%	34.2	13.92 - 34.20	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	CNG
11.20%	11.9	10.42 - 43.95	Dịch vụ tài chính	BSI

HNX

### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VSA	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.00 - 29.20	22.5	-19.64%
2	VLA	Công nghệ Thông tin	17.20 - 74.50	20.9	-19.62%
3	PEN	Xây dựng và Vật liệu	6.70 - 11.80	7.8	-16.13%
4	TKG	Tài nguyên Cơ bản	11.50 - 16.50	12.2	-14.08%
5	NRC	Bất động sản	3.70 - 14.60	5.8	-13.43%

### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
50.00%	7.2	3.30 - 7.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	L61
34.17%	26.7	4.80 - 27.00	Xây dựng và Vật liệu	CMS
31.40%	11.3	4.60 - 15.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HCT
28.06%	17.8	9.00 - 17.80	Xây dựng và Vật liệu	KDM
16.85%	86.0	59.00 - 88.30	Y tế	PMC

Upcom

### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	AGE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.80 - 17.10	10.6	-38.01%
2	VFC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	29.10 - 89.70	65.0	-26.97%
3	DAN	Y tế	19.90 - 35.60	25.2	-26.96%
4	YTC	Y tế	35.50 - 110.00	57.0	-25.97%
5	TSJ	Du lịch và Giải trí	15.00 - 55.20	17.6	-25.74%

### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
76.92%	9.2	4.00 - 9.30	Xây dựng và Vật liệu	LG9
60.87%	14.8	8.00 - 18.00	Hóa chất	BT1
52.00%	7.6	3.50 - 8.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MTL
46.67%	6.6	4.50 - 13.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CCT
40.68%	8.3	2.80 - 8.80	Công nghệ Thông tin	VIE

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

### Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	CLL	Cảng Cát Lái	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,401.5	351.4	40.9	22.50 - 41.20	3.7
2	TMS	Transimex	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	993.7	338.7	54.8	45.10 - 62.61	-0.7
3	SJD	Thủy điện Cần Đơn	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4,270.8	201.9	19.0	12.80 - 19.50	6.8
4	SGR	Địa ốc Sài Gòn	Bất động sản	3,168.1	176.7	24.3	10.00 - 31.60	-14.0
5	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4,848.2	170.7	39.4	25.15 - 42.80	-1.1
6	HHV	Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Xây dựng và Vật liệu	221,223.5	149.4	17.7	5.83 - 17.95	11.3
7	APG	Chứng khoán APG	Dịch vụ tài chính	32,386.5	145.5	11.9	2.40 - 12.40	11.8
8	VIB	VIBBank	Ngân hàng	174,952.1	138.9	21.6	13.50 - 22.00	4.6
9	SCS	DV Hàng hóa Sài Gòn	Du lịch và Giải trí	3,265.1	103.7	68.8	60.60 - 85.00	2.2
10	SHP	Thủy điện Miền Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	667.3	91.5	29.2	23.25 - 30.45	-2.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

# WEEKLY SNAPSHOT

## Những dữ liệu vĩ mô khác

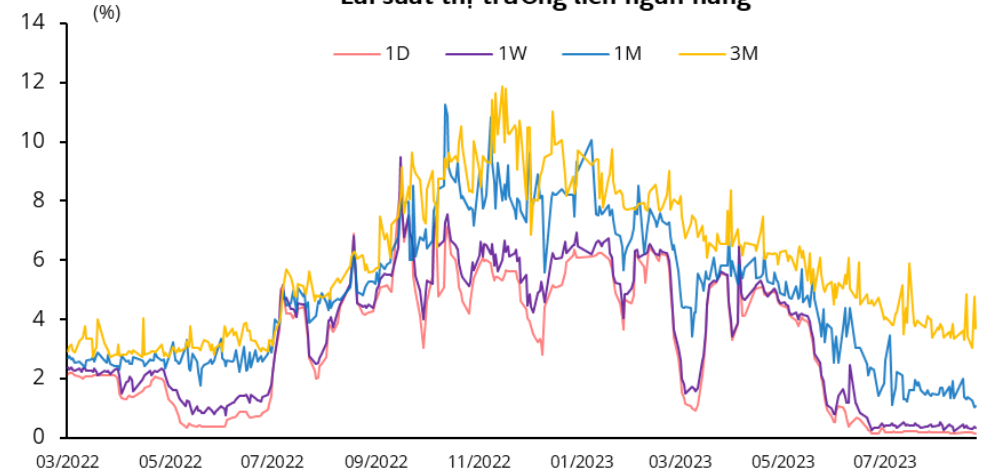
### Tỷ giá

	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	105.20	0.10	1.93	3.02	1.62	
VND/USD	24,265	0.85	1.26	3.10	2.67	
KRW/USD	1,326.00	-0.52	-0.35	3.56	4.78	
JPY/USD	147.78	-0.03	1.52	5.34	12.71	
EUR/USD	0.94	0.32	2.25	2.62	0.37	
SGD/USD	1.36	-0.23	0.31	1.94	1.72	
CNY/USD	7.28	-0.90	-0.15	2.20	5.49	

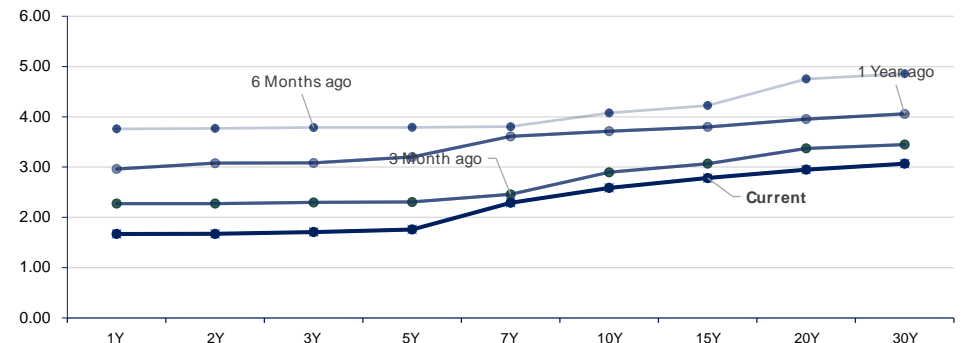
### Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	90.48	3.39	11.72	28.12	12.73	
Xăng	274.77	3.54	-3.51	4.01	11.72	
Gas	2.73	4.72	2.59	7.70	-39.04	
Than	160.15	1.59	9.32	21.33	-60.37	
Vàng	1,918.11	-0.05	0.85	-2.04	5.16	
Bạc	23.10	0.77	2.55	-3.17	-3.55	
Platinum	921.69	2.80	3.27	-7.10	-14.20	
Quặng sắt	120.56	2.69	15.23	6.93	8.34	
Thép cán	3,953.00	0.48	0.64	2.04	-4.68	
Lúa mì	596.75	5.20	-0.29	-9.79	-24.65	
Ngô	480.75	2.61	3.61	-22.86	-29.15	

### Lãi suất thị trường liên ngân hàng



### Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.67	1.67	1.71	1.76	2.29	2.59	2.78	3.07	4.23
Thay đổi (BPS)*	-1.60	-1.50	-0.90	-0.90	0.10	-0.30	-1.70	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam



# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd  
Shinhan Investment Tower  
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,  
Seoul, Korea 150-712  
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702  
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.  
1325 Avenue of the Americas Suite 702,  
New York, NY 10019  
Tel : (1-212) 397-4000  
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.  
Unit 7705 A, Level 77  
International Commerce Centre  
1 Austin Road West  
Kowloon, Hong Kong  
Tel : (852) 3713-5333  
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia  
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.  
22-23, Jakarta, Indonesia  
Tel : (62-21) 5140-1133  
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.  
Shanghai Representative Office  
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,  
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China  
Tel : (86-21) 6888-9135/6  
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,  
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel : (84-8) 6299-8000  
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
Hanoi Branch  
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,  
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,  
Hanoi, Vietnam.  
Tel : (84-8) 6299-8000

## Thông báo Tuân thủ

- ♦ Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- ♦ Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- ♦ Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- ♦ Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- ♦ Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- ♦ Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- ♦ Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.